

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 204/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Thị Thế H, sinh năm 19XX; Địa chỉ: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Trần Doãn T, sinh năm 19XX; Địa chỉ: đường C, Phường U, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thế H và ông Trần Doãn T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1983, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 227 đăng ký ngày 20 tháng 01 năm 1983 tại Ủy ban nhân dân quận H, Thành phố N).

Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 15 (Mười lăm) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm về mọi mặt dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, mặc dù cũng đã ngồi lại nói chuyện và tìm cách khắc phục nhưng cả hai đều không thể hàn gắn được tình cảm. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự xác định có 02 (Hai) con chung, họ và tên là Trần Việt H1 (Nữ), sinh ngày 28/9/19XX và Trần Đức H2 (Nam), sinh ngày 17/01/19XX. Cả 02 (Hai) con chung đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

[5] Về lệ phí: Bà Trần Thị Thế H và ông Trần Doãn T được miễn tiền lệ phí giải quyết vụ việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thế H và ông Trần Doãn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 227 đăng ký ngày 20 tháng 01 năm 1983 tại Ủy ban nhân dân quận H, Thành phố N).

- Về con chung: Bà Trần Thị Thế H và ông Trần Doãn T xác định có 02 (Hai) con chung, họ và tên là Trần Việt H1 (Nữ), sinh ngày 28/9/19XX và Trần Đức H2 (Nam), sinh ngày 17/01/19XX. Cả 02 (Hai) con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thế H và ông Trần Doãn T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Thế H và ông Trần Doãn T xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Thế H và ông Trần Doãn T được miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự (TK Sang).

THẨM PHÁN

Lê Phương Thảo